

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**
Bản án số: 44/2026/HS-ST
Ngày: 28-5-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Diệp

Ông Lương Văn Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Bình, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HS ngày 15/5/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh ngày 24/12/1992, tại tỉnh Hưng Yên; Nơi thường trú và tạm trú: Số nhà E, tổ D, phường Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Chức vụ trước khi phạm tội: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình L, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1968; Chồng: anh Đào Ngọc N1, sinh năm 1990 và có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Thuế cơ sở 1- Điện Biên

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tổng Thị Thu H, chức vụ: Trưởng thuế cơ sở 1, tỉnh Điện Biên. Đại diện theo ủy quyền của bà Tổng Thị Thu H: ông Cao Văn K - Phó trưởng thuế cơ sở 1 - Điện Biên. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Trần Thị T, sinh năm 2002, địa chỉ: Tổ B, phường Đ, tỉnh Điện Biên.
Vắng mặt

- Chị Quảng Thị T1, sinh năm 2001, địa chỉ: Bản P, xã T, tỉnh Điện Biên.
Vắng mặt

- Anh Đào Ngọc N1, sinh năm 1990, địa chỉ: Số nhà E, tổ D, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Trần Thị N đăng ký tên hộ kinh doanh “Cửa hàng Thế giới mỹ phẩm”, mã số thuế: 8655745199, để buôn bán mỹ phẩm và thực phẩm chức năng gồm các loại mặt hàng: sữa rửa mặt, mặt nạ dưỡng da, kem dưỡng da, serum dưỡng da, son, phấn, nước hoa hồng, tẩy tế bào chết, dung dịch vệ sinh, nước hoa, sữa tắm, dầu gội, dầu xả, nước uống collagen, nước tẩy trang, kem chống nắng... Trần Thị N kinh doanh đến tháng 7/2025 đổi tên thành “Hộ kinh doanh Trần Thị N”, mã số hộ kinh doanh: 033192004812. Hoạt động kinh doanh của cửa hàng do Trần Thị N là người trực tiếp quản lý, điều hành toàn bộ. Trần Thị N bán hàng bằng 02 phương thức gồm bán hàng trực tiếp tại cửa hàng ở số nhà E, tổ D, phường Đ, tỉnh Điện Biên và sử dụng tài khoản Facebook “T” để quảng bá. Trần Thị N sử dụng 04 tài khoản ngân hàng (gồm: VietinBank số A; BIDV số C; ABBank số I; MB số II) để phục vụ hoạt động giao dịch kinh doanh mua bán mỹ phẩm.

Trần Thị N hoạt động kinh doanh từ năm 2019, đến tháng 9/2025 có tổng doanh thu thực tế là **43.714.396.392 đồng** (bốn mươi ba tỉ, bảy trăm mười bốn triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng). Tuy nhiên N chỉ kê khai doanh thu để nộp thuế là **1.007.390.000 đồng** (một tỉ, không trăm linh bảy triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng), tháng 5 năm 2025 N đã làm thủ tục đóng mã số thuế cũ, mở mã số thuế mới để tránh bị truy thu thuế. Trần Thị N là chủ hộ kinh doanh, có trình độ cao đẳng, nắm rõ pháp luật nhưng trong quá trình hoạt động kinh doanh đã không thực hiện đúng quy định pháp luật về thuế, cố ý kê khai doanh thu bán hàng hàng năm thấp để được cơ quan thuế ấn định phương pháp nộp thuế theo phương pháp khoán đối với hộ kinh doanh của mình, gây thiệt hại (từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/9/2025) với tổng số tiền: **605.371.877 đồng** (sáu trăm linh năm triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng), cụ thể:

Doanh thu bán mỹ phẩm theo từng năm của hộ kinh doanh Trần Thị N gồm: **Doanh thu năm 2019: 451.211.300 đồng** (bốn trăm năm mươi mốt triệu, hai trăm mười một nghìn ba trăm đồng); **Doanh thu năm 2020: 2.756.445.433 đồng** (hai tỉ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: Doanh thu từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/10/2020: **2.039.260.340 đồng** (hai tỉ, không trăm ba mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, ba trăm bốn mươi đồng), doanh thu từ ngày 01/11/2020 đến hết ngày 31/12/2020: **717.185.093 đồng** (bảy trăm mười bảy triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi ba đồng); **Doanh thu năm 2021: 4.720.672.257 đồng** (bốn tỉ, bảy trăm hai mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng); **Doanh thu năm 2022: 7.895.737.029 đồng** (bảy tỉ, tám trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi chín đồng); **Doanh thu năm 2023: 8.858.609.605 đồng** (tám tỉ, tám trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm linh chín nghìn, sáu trăm linh năm đồng); **Doanh thu năm**

2024: 11.143.393.711 đồng (mười một tỉ, một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm mười một đồng); **Doanh thu năm 2025 (tính đến hết ngày 30/9/2025): 7.888.327.057 đồng** (bảy tỉ, tám trăm tám mươi tám triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng). Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh mỹ phẩm của hộ kinh doanh Trần Thị N từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/9/2025 là: **43.714.396.392 đồng** (bốn mươi ba tỷ, bảy trăm mười bốn triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng). Trong đó: *Doanh thu từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/10/2020: 2.490.471.640 đồng* (hai tỉ, bốn trăm chín mươi triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng); *Doanh thu từ ngày 01/11/2020 đến hết ngày 30/9/2025: 41.223.924.752 đồng* (bốn mươi một tỉ, hai trăm hai mươi ba triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng).

Hộ kinh doanh Trần Thị N trước ngày 30/9/2025 nộp thuế theo phương pháp thuế khoán. Số tiền thuế, phí đã nộp như sau: Năm 2019: **0 đồng**; Năm 2020: **0 đồng**; Năm 2021: **1.600.000 đồng** (một triệu sáu trăm nghìn đồng); Năm 2022: **3.247.380 đồng** (ba triệu, hai trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi đồng); Năm 2023: **2.772.660 đồng** (hai triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng); Năm 2024: **3.911.454 đồng** (ba triệu, chín trăm mười một nghìn, bốn trăm năm mươi tư đồng); Năm 2025: **2.824.995 đồng** (hai triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn, chín trăm chín mươi lăm đồng). Tổng số tiền thuế, phí đã nộp của hộ kinh doanh Trần Thị N từ năm 2019 đến hết ngày 30/9/2025 là: **14.356.489 đồng** (mười bốn triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng).

Kết luận giám định ngày 12/01/2026, của tổ giám định tư pháp thuộc Thuế tỉnh Điện Biên kết luận: Hộ kinh doanh Trần Thị N có kinh doanh, có doanh thu tính thuế từ năm 2019 nhưng không thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế, không thực hiện kê khai thuế. Đến thời điểm tháng 01/2021 đã đăng ký kê khai thuế với cơ quan thuế nhưng kê khai doanh thu tính thuế không đúng với thực tế. Hành vi nêu trên đã gây thiệt hại về thuế cho NSNN:

Giai đoạn 1: Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/10/2020: **Tổng số thuế GTGT, TNCN thiệt hại NSNN là: 37.357.074 đồng** (Bằng chữ: ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi tư đồng).

Giai đoạn 2: Từ ngày 01/11/2020 đến hết ngày 30/9/2025: **Tổng số thuế GTGT, TNCN thiệt hại NSNN là: 605.371.877 đồng** (Bằng chữ: sáu trăm linh năm triệu ba trăm bảy mươi một nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Cáo trạng số 27/CT-VKSDBN-P1 ngày 06/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Trần Thị N về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “trốn thuế”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 200 triệu

đồng đến 250 triệu đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Buộc bị cáo bồi hoàn lại số đã trốn thuế là 605.371.877 đồng bị cáo đã nộp đủ, trả bị cáo số tiền 37.357.074 đồng để Cơ quan thuế tiếp tục truy thu theo quy định của Luật quản lý thuế.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp nguyên đơn dân sự tại phiên tòa có ý kiến yêu cầu bị cáo phải nộp đầy đủ số tiền đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Đối với số tiền trốn thuế 37.357.074 đồng đã hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự, thời hạn xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật quản lý thuế thì Thuế cơ sở 1 tiếp tục thu hồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T, Quảng Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Ngọc N1 có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, công nhận lời khai của bị cáo là đúng, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, bị cáo không có tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức phạt tiền nhẹ nhất để có điều kiện đi lao động khắc phục hậu quả và thi hành hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Từ ngày 01/11/2020 đến ngày 30/9/2025, Trần Thị N kinh doanh buôn bán mỹ phẩm, trực tiếp quản lý điều hành cửa hàng M (trước đây là cửa hàng T2), trong quá trình kinh doanh Trần Thị N lợi dụng quy định của pháp luật về nguyên tắc khai thuế, tính thuế đối với hộ kinh doanh cá nhân để thực hiện hành vi trốn thuế thông qua việc cung cấp tờ khai không chính xác, không trung thực về doanh thu của hộ kinh doanh để được áp dụng mức thuế khoán, trốn tránh việc nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân vi phạm vào khoản 2, Điều 17, khoản 1 Điều 42, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Luật quản lý thuế năm 2019, gây thiệt hại về thuế tổng số tiền **605.371.877 đồng** (sáu trăm linh năm triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng). Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như Cáo trạng số 27/CT-VKSDB-P1 ngày 06/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy

tố, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định tư pháp thuộc Thuế tỉnh Điện Biên. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “trốn thuế” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự quản lý việc thu thuế, nộp ngân sách cho Nhà nước, dẫn đến thất thu ngân sách, gây thiệt hại tiền thuế cho Nhà nước. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thuế, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có 3 con dưới 15 tuổi, có bác ruột là liệt sỹ, ông ngoại được tặng huân chương kháng chiến hạng ba, bố đẻ là quân nhân tham gia chiến đấu tại Lào và Campuchia nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo vừa đảm bảo việc thu nộp ngân sách nhà nước, vừa có tác dụng răn đe và cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo và chồng bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, có 3 con còn nhỏ, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đăng ký hộ kinh doanh để buôn bán mỹ phẩm và thực phẩm chức năng, là người trực tiếp quản lý điều hành hoạt động của cửa hàng do vậy buộc bị cáo có trách nhiệm phải nộp lại tổng số tiền trốn thuế là

605.371.877 đồng theo quy định tại Điều 48/BLHS, các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và 589 của Bộ luật dân sự. Bị cáo đã nộp 642.729.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 01/12/2025 và ngày 03/3/2026 vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan cảnh sát Điều tra công an tỉnh Đ, số tiền trên đã được cơ quan cảnh sát điều tra chuyển Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo ủy nhiệm chi số C4-02a/KB ngày 7/5/2026. Đối với số tiền 37.357.074 đồng gây thiệt hại năm 2019 đến ngày 31/10/2020 do hết thời hiệu truy cứu TNHS, hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, Viện kiểm sát không truy cứu TNHS đối với khoản tiền trên và đề nghị trả bị cáo. Đại diện nguyên đơn dân sự tại phiên tòa có ý kiến sẽ tiếp tục truy thu số tiền trên để nộp ngân sách nhà nước do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính không còn. Bị cáo có ý kiến được nhận lại số tiền trên nếu theo quy định của pháp luật phải nộp lại cho cơ quan thuế thì bị cáo sẽ nộp lại cho thuế cơ sở 1. HĐXX xét thấy theo quy định Điều 137 Luật Quản lý thuế và Nghị định 125/2020/NĐ-CP thì bị cáo vẫn phải nộp lại số tiền trên vào ngân sách nhà nước do vậy Cơ quan thuế tiếp tục truy thu theo quy định của Luật quản lý thuế đảm bảo thu đủ số tiền thuế bị cáo phải nộp. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát, đại diện nguyên đơn dân sự và bị cáo đối với số tiền trên.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Những vấn đề khác.

Đối với Trần Thị T nhân viên của hộ kinh doanh Trần Thị N từ năm 2024, được Trần Thị N thuê trông coi, dọn dẹp quán, bán hàng, tư vấn, giới thiệu sản phẩm; Quảng Thị Trang nhân viên của hộ kinh doanh Trần Thị N từ năm 2021, được Trần Thị N thuê trông coi, dọn dẹp quán, bán hàng, tư vấn, giới thiệu sản phẩm. Trần Thị N kê khai nộp thuế như thế nào Trần Thị T và Quảng Thị T1 không nắm được, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Đào Ngọc N1 là chồng của bị can Trần Thị N, N1 không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành, kê khai, nộp thuế của hộ kinh doanh Trần Thị N. Trần Thị N kê khai, nộp thuế như thế nào N1 không nắm được, nên không có căn cứ xử lý.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo diễn ra trong thời gian dài từ năm 2019 đến năm 2025 nhưng không bị phát hiện, không bị xử lý dẫn đến thất thoát tài sản của nhà nước, do vậy HĐXX kiến nghị Cơ quan Thuế phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về kê khai, nộp thuế thuế; tập trung tuyên truyền về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc tự kê khai doanh thu, các hình thức xử lý về hành chính và hình sự đối với các hành vi gian lận, kê khai thiếu hoặc trốn thuế. Từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành các quy định về thuế của người nộp thuế. Đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp và hộ kinh doanh để chủ động phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn kịp thời vi phạm, không để phát sinh tội phạm, tránh gây thiệt hại về thuế của Nhà nước, phải xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “ Trốn thuế ”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 35; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Thị N 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 25/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 08/5/2026) và biện pháp tạm hoãn xuất cảnh (theo Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 26/2026/HSST-QĐTHXC ngày 08/5/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên) đối với bị cáo Trần Thị N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48/BLHS; các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Thị N phải nộp lại số tiền trốn thuế là 605.371.877 đồng. Bị cáo đã nộp đủ số tiền 605.371.877 đồng. Số tiền trên được khấu trừ trong số tiền 642.729.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 01/12/2025 và ngày 03/3/2026 vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan cảnh sát Điều tra công an tỉnh Đ, đã được cơ quan cảnh sát điều tra chuyển Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo ủy nhiệm chỉ số C4-02a/KB ngày 7/5/2026 của Kho bạc nhà nước khu vực X.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả bị cáo số tiền 37.357.074 đồng.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TANDTC);
- Viện CT và KSXXPT tại Hà Nội-VKSNDTC;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự,
- Người có QL, NV LQ
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Hưng